

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
3. Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	8 - 11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13 - 14
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	15 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 16 (lần gần nhất) ngày 05 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng).

Hoạt động của Công ty là:

- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ thiết bị gia dụng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ ủy thác mua bán hàng hóa (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: dịch vụ trang trí nội thất công trình xây dựng;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: hoạt động của các khu giải trí, bãi biển bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khóa, ghế tựa, dù che;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Trần Hữu Đông	Chủ tịch
- Ông Lê Văn Cường	Ủy viên
- Ông Đỗ Huy Cường	Ủy viên
- Ông Nguyễn Sỹ Thành	Ủy viên [miễn nhiệm ngày 20/03/2017]
- Ông Trần Văn Duy	Ủy viên
- Ông Vũ Thành Toàn	Ủy viên [bổ nhiệm ngày 20/03/2017]
- Bà Vũ Thị Ngà	Ủy viên [bổ nhiệm ngày 20/03/2017]

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Đào Thị Dung	Trưởng ban [bổ nhiệm ngày 20/03/2017]
- Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên [bổ nhiệm ngày 20/03/2017]
- Ông Vũ Danh Lam	Thành viên [bổ nhiệm ngày 20/03/2017]

Ban Tổng Giám đốc Công ty và Kế toán trưởng đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Trần Hữu Đông	Tổng Giám đốc – người đại diện theo pháp luật
- Ông Đỗ Huy Cường	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Lê Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trương Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
- Bà Vũ Thị Ngà	Kế toán trưởng

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;

Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;

- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2018

Đại diện Ban Tổng Giám đốc 



Trần Hữu Đông
Tổng Giám đốc

Số: 08/2018/BCKT-PKF.HCMC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC được lập ngày 13 tháng 03 năm 2018, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 08 đến trang 40 kèm theo.

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC, và được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM (AIS). Báo cáo kiểm toán độc lập số 161058M/2016/BCKT-AISHN được phát hành ngày 28 tháng 04 năm 2017 dưới dạng ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam.



Trương Quang Trung

Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1752-2018-242-1

Trịnh Anh Đào

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2430-2018-242-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		176.249.231.194	94.450.774.475
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	25.496.883.697	27.114.877.940
Tiền	111		6.466.883.697	25.158.877.940
Các khoản tương đương tiền	112		19.030.000.000	1.956.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27.000.000.000	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	27.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		73.522.074.891	15.452.254.101
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	33.629.941.012	13.516.923.673
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	5.039.103.142	1.635.604.910
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	35.369.299.611	742.834.682
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.6	(516.268.874)	(443.109.164)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		50.230.272.606	50.347.723.762
Hàng tồn kho	141	5.7	50.230.272.606	50.347.723.762
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	1.535.918.672
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	-	77.783.702
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	961.945.947
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	496.189.023
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		81.868.965.992	52.745.739.785
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		20.903.234.942	15.267.913.582
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	20.903.234.942	15.267.913.582
- Nguyên giá	222		22.743.971.714	16.607.422.387
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.840.736.772)	(1.339.508.805)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	6.645.406.416
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XD CB dở dang	242		-	6.645.406.416
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	59.400.000.000	29.997.565.108
Đầu tư vào công ty con	251		59.400.000.000	30.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	(2.434.892)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.565.731.050	834.854.679
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	1.565.731.050	834.854.679
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		258.118.197.186	147.196.514.260

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
NỢ PHẢI TRẢ	300		42.362.724.927	48.554.521.389
Nợ ngắn hạn	310		42.362.724.927	48.554.521.389
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	20.166.101.520	10.882.645.386
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	14.610.682.144	5.767.542.038
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	3.658.717.307	2.563.579.141
Phải trả người lao động	314		1.709.000.000	541.841.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	180.000.000	596.967.302
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.14	834.464.520	4.451.025.764
Phải trả ngắn hạn khác	319		2.198.470	4.062.920.758
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	19.688.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	1.201.560.966	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		215.755.472.260	98.641.992.871
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	215.755.472.260	98.641.992.871
Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	87.685.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	87.685.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.755.472.260	10.956.792.871
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		244.842.869	4.541.831.003
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.510.629.391	6.414.961.868
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		258.118.197.186	147.196.514.260

Ngày 13 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hồ Thanh Ngân



Vũ Thị Ngà



Trần Hữu Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2017	2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	242.121.338.357	225.462.026.545
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	5.000.002
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	242.121.338.357	225.457.026.543
Giá vốn hàng bán	11	6.2	189.020.607.006	184.662.164.356
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53.100.731.351	40.794.862.187
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	549.996.453	340.146.711
Chi phí tài chính	22	6.4	557.100.436	1.451.469.879
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>415.914.000</i>	<i>1.004.925.627</i>
Chi phí bán hàng	25	6.5	10.875.894.656	8.408.722.692
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	21.702.458.727	21.225.989.421
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.515.273.985	10.048.826.906
Thu nhập khác	31	6.7	164.498.016	-
Chi phí khác	32	6.8	1.381.841.321	1.756.672.574
Lợi nhuận khác	40		(1.217.343.305)	(1.756.672.574)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.297.930.680	8.292.154.332
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.10	3.787.301.291	1.877.192.464
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.510.629.389	6.414.961.868

Ngày 13 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hồ Thanh Ngân



Vũ Thị Ngà



Trần Hữu Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	2017	2016
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	19.297.930.680	8.292.154.332
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.665.233.817	1.492.523.685
- Các khoản dự phòng	03	70.724.818	133.077.510
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	187.082.425	702.395.084
- Chi phí lãi vay	06	415.914.000	1.004.925.627
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	21.636.885.741	11.625.076.238
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(23.741.488.695)	10.879.189.926
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	117.451.156	(14.453.496.345)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	12.958.206.841	(8.034.994.918)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(653.092.669)	(361.485.817)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(415.914.000)	(690.413.627)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.249.304.595)	(1.224.694.106)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	32.374.212.875	33.690.869.476
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(33.400.464.155)	(33.329.967.733)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.626.492.499	(1.899.916.906)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(5.105.404.729)	(18.357.319.718)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	2.288.000.000	1.586.363.636
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(27.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(59.400.000.000)	(30.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	58.067.987	12.625.294
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(89.159.336.742)	(46.758.330.788)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	2017	2016
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	101.602.850.000	75.685.200.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	400.000.000	38.479.222.420
Tiền trả nợ gốc vay	34	(20.088.000.000)	(40.770.642.420)
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	81.914.850.000	73.393.780.000
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	27.114.877.940	2.379.345.634
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	25.496.883.697	27.114.877.940

Ngày 13 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Hồ Thanh Ngân

Vũ Thị Nga

Trần Hữu Đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 16 (lần gần nhất) ngày 05 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC

- Trụ sở chính: số 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Văn phòng đại diện – Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC: tầng 8, tháp C Hồ Gươm Plaza, số 102 Trần Phú, phường Mỹ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Kho hàng - Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC: tầng 1, TTTM Forprodex Cầu Tiên, số 1111 đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Hải Phòng

- Địa chỉ: Thôn 4, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Thành phố Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Số 39 đường 19, khu phố 2, phường Bình An, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty con – Công ty TNHH HVC Hưng Yên

- Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900982165 ngày 11 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp. Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 ngày 23/12/2016 là 60.000.000.000 đồng. Tỷ lệ vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH HVC Hưng Yên là 59.400.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 99% vốn điều lệ. Vốn thực góp tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH HVC Hưng Yên là 59.400.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Thôn Thọ Bình, xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính riêng này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- | | |
|--------------------|---|
| - Sản phẩm dở dang | Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo từng công trình |
| - Hàng hóa | Bình quân gia quyền |

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
- Tài sản cố định khác	04 – 06 năm

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.10. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.13. Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Chi phí bảo hành công trình xây lắp. Đây là khoản dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty trong năm 2017 được ước tính theo chính sách trích lập dự phòng bảo hành, cụ thể như sau:

- Các công trình có tỷ lệ trọng hàng hóa chiếm từ 80% trở lên, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm dưới 20% do đã có chính sách bảo hành từ nhà cung cấp nên Công ty không tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình này.
- Các công trình có tỷ lệ trọng hàng hóa chiếm dưới 80%, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm từ 20% trở lên thì Công ty tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình trên theo tỷ lệ cam kết bảo hành tại từng hợp đồng nhưng không vượt quá 5% tổng giá trị hợp đồng.

4.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.15. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.16. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

4.17. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính riêng và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Tiền mặt	1.461.177.616	477.298.616
Tiền gửi ngân hàng	5.005.706.081	24.681.579.324
Các khoản tương đương tiền (i)	19.030.000.000	1.956.000.000
Cộng	25.496.883.697	27.114.877.940

(i) Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày ký	Kỳ hạn	Lãi suất	Giá trị
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở	27/11/2017	01 tháng	5,2%/năm	6.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thăng Long	18/12/2017	01 tháng	5,5%/năm	13.030.000.000
				19.030.000.000

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	27.000.000.000	27.000.000.000	-	-
Cộng	27.000.000.000	27.000.000.000	-	-

(i) Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số hợp đồng	Ngày ký	Kỳ hạn	Lãi suất	Giá trị
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở	HVC/171002/TGKH/TCB	02/10/2017	04 tháng	5,1%/năm	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở	HVC/171009/TGKH/TCB	09/10/2017	04 tháng	5,2%/năm	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thăng Long	1110/17/STB-HVC	11/10/2017	04 tháng	5,5%/năm	7.000.000.000
					27.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

b. Đầu tư vào công ty con

	31/12/2017 (VND)			01/01/2017 (VND)		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	59.400.000.000	-		30.000.000.000	2.434.892	
Công ty TNHH HVC Hưng Yên						
(i)	59.400.000.000	-	(*)	30.000.000.000	2.434.892	(*)
Cộng	59.400.000.000	-	(*)	30.000.000.000	2.434.892	(*)

(i) Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900982165 ngày 11 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp. Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 ngày 23/12/2016 là 60.000.000.000 đồng. Tỷ lệ vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH HVC Hưng Yên là 59.400.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 99% vốn điều lệ. Vốn thực góp tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH HVC Hưng Yên là 59.400.000.000 đồng.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con trong kỳ xem tại Thuyết minh 8.3.

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính của các Công ty trên và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Phải thu khách hàng là bên liên quan	1.518.000.000	-
- Ông Lê Văn Cường	1.518.000.000	-
Phải thu khách hàng là bên thứ ba	32.111.941.012	13.516.923.673
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại HVCINVEST	15.896.490.658	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc	3.795.701.978	225.411.464
- KST Mường Thanh-CN Công ty Cổ phần Tập đoàn Mường Thanh	2.269.968.067	-
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Phú Cường Kiên Giang	1.684.886.211	-
- Các đối tượng khác	8.464.894.098	13.291.512.209
Cộng	33.629.941.012	13.516.923.673

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
- Công ty Cổ phần Cấp điện và Hệ thống LS - VINA	1.369.061.760	-
- Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Xây dựng Tiến Huy	911.292.650	-
- Công ty TNHH Thương mại Thanh Mơ	512.763.999	-
- Các nhà cung cấp khác	2.245.984.733	1.635.604.910
Cộng	5.039.103.142	1.635.604.910

5.5 Phải thu khác

Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	3.725.123.515	-	120.000.000	-
- Nguyễn Ngọc Hà	686.167.900	-	-	-
- Nguyễn Duy Tuấn	300.000.000	-	-	-
- Trần Văn Nghĩa	300.055.844	-	-	-
- Các nhân viên khác	2.438.899.771	-	120.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	1.098.410.586	-	72.074.630	-
- Tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	3.378.857	-	28.854.690	-
- Tại Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam	4.723.955	-	31.567.649	-
- Tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	1.090.307.774	-	11.652.291	-
Phải thu khác	30.545.765.510	-	550.760.052	-
- Thuế GTGT chưa kê khai khấu trừ	123.649.900	-	550.760.052	-
- Trích trước lãi tiền gửi	399.105.555	-	-	-
- Công ty Cổ phần Bể Bơi Thông Minh Spool (i)	30.000.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	23.010.055	-	-	-
Cộng	35.369.299.611	-	742.834.682	-

(i) Công ty góp vốn vào Công ty CP Bể Bơi Thông Minh Spool theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD/2017/HVC-SPOOL ngày 23/09/2017 để cùng thực hiện hợp đồng số 09/2017/HĐKT/SƠN LONG - SPOOL ngày 21/09/2017 về cung cấp, lắp đặt hệ thống M&E, bể bơi cho dự án Khu khách sạn dịch vụ du lịch của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sơn Long.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.6 Nợ xấu

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	601.425.701	85.156.827	511.813.091	68.703.927
Từ 03 năm trở lên	437.053.091	-	282.800.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	154.253.091	-	-	-
- Bệnh viện Đa khoa Kim Thành Hải Dương	282.800.000	-	282.800.000	-
Từ 02 đến dưới 03 năm	74.760.000	22.428.000	229.013.091	68.703.927
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hoàng Long HABICO	74.760.000	22.428.000	74.760.000	22.428.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	-	-	154.253.091	46.275.927
Từ 01 đến dưới 02 năm	89.612.610	62.728.827	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thảo Nguyên Xanh	75.637.210	52.946.047	-	-
- Nhà thiếu nhi Tỉnh Hải Dương	13.975.400	9.782.780	-	-

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	2017 (VND)	2016 (VND)
Số đầu năm	443.109.164	312.466.546
Trích lập dự phòng trong năm	73.159.710	130.642.618
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số cuối năm	516.268.874	443.109.164

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	46.790.252.409	-	35.245.171.990	-
+ Thi công hệ thống cơ điện hạ tầng, cảnh quan sân vườn GD2 - Vinhomes Imperial Hải Phòng - Hợp đồng 37/2017	7.113.211.804	-	-	-
+ Thi công phần M&E cho (280+295) căn biệt thự theo tiêu chuẩn bàn giao thô và hoàn thiện mặt ngoài – Dự án Vinhomes Riverside The Harmony - Hợp đồng 256/2017	3.497.078.837	-	-	-
+ Cung cấp thiết bị, vật tư và nhân công lắp đặt hệ thống công nghệ lọc nước khu Công viên nước - Dự án Vinpearl Nam Hội An - Hợp đồng 02402/2017	3.394.619.828	-	-	-
+ Cung cấp vật tư, lắp đặt hệ thống công nghệ và tư vấn thiết kế bể bơi ngoài nhà D170 và D175 thuộc hạng mục Water Park- dự án Công viên đại dương Hạ Long - Hợp đồng 40	3.303.309.518	-	2.502.505.915	-
+ Cung cấp lắp đặt hệ M&E cho 42 căn BT hoàn thiện nội thất - lô D1-N02.03.04.07.08.09 - Dự án Vinhomes Riverside The Harmony - Hợp đồng 1706/2017	3.025.688.861	-	-	-
+ Các công trình khác	26.456.343.561	-	32.742.666.075	-
- Hàng hóa	3.440.020.197	-	15.102.551.772	-
Cộng	50.230.272.606	-	50.347.723.762	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2017	01/01/2017
	(VND)	(VND)
Ngắn hạn	-	77.783.702
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	77.783.702
Dài hạn	1.565.731.050	834.854.679
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.565.731.050	834.854.679
Cộng	1.565.731.050	912.638.381

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật	Máy móc và	Phương tiện	Cộng
	kiến trúc	thiết bị	vận tải, truyền	(VND)
	(VND)	(VND)	dẫn (*)	(VND)
Nguyên giá				
01/01/2017	8.018.189.005	312.675.200	8.276.558.182	16.607.422.387
Mua trong năm	81.818.182	-	609.654.545	691.472.727
Xây dựng cơ bản hoàn thành	11.059.338.418	-	-	11.059.338.418
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.614.261.818)	(5.614.261.818)
31/12/2017	19.159.345.605	312.675.200	3.271.950.909	22.743.971.714
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
01/01/2017	208.367.965	134.002.584	997.138.256	1.339.508.805
Khấu hao trong năm	548.408.913	49.963.616	1.066.861.288	1.665.233.817
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.164.005.850)	(1.164.005.850)
31/12/2017	756.776.878	183.966.200	899.993.693	1.840.736.772
Giá trị còn lại				
01/01/2017	7.809.821.040	178.672.616	7.279.419.926	15.267.913.582
31/12/2017	18.402.568.727	128.709.000	2.371.957.216	20.903.234.942

(*) Trong năm 2017, Công ty có thanh lý tài sản cố định là 05 xe ô tô với tổng giá trị còn lại là 4.450.255.967 đồng, tổng giá trị thanh lý là 3.460.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT 10%).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Phải trả người bán trong nước</i>	20.166.101.520	20.166.101.520	9.799.990.163	9.799.990.163
- Công ty Cổ phần Bể bơi thông minh SPOOL	8.045.172.610	8.045.172.610	-	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Long Biên	3.845.278.239	3.845.278.239	267.300.000	267.300.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Tân Phát	1.545.377.350	1.545.377.350	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng & Phát triển Thương mại Long Nguyễn	1.351.072.197	1.351.072.197	-	-
- Các nhà cung cấp khác	5.379.201.124	5.379.201.124	9.532.690.163	9.532.690.163
<i>Phải trả người bán nước ngoài</i>	-	-	1.082.655.223	1.082.655.223
- CLOCK GROUP	-	-	1.062.657.455	1.062.657.455
- Các nhà cung cấp khác	-	-	19.997.768	19.997.768
Cộng	20.166.101.520	20.166.101.520	10.882.645.386	10.882.645.386

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
- Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	4.733.970.909	-
- Chi nhánh Quảng Nam - Công ty Cổ phần Vinpearl	4.079.061.750	-
- Công ty Cổ phần Milton	918.802.156	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư DHC	805.088.127	643.137.699
- Các khách hàng khác	4.073.759.202	5.124.404.339
Cộng	14.610.682.144	5.767.542.038

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Thuế giá trị gia tăng	1.147.607.003	1.147.607.003	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.477.103.294	2.477.103.294	1.939.106.597	1.939.106.597
- Thuế thu nhập cá nhân	34.007.010	34.007.010	551.838.688	551.838.688
- Phí, lệ phí	-	-	72.633.856	72.633.856
Cộng	3.658.717.307	3.658.717.307	2.563.579.141	2.563.579.141

Tình hình biến động của các khoản phải nộp Nhà nước

	01/1/2017 (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã nộp trong năm (VND)	31/12/2017 (VND)
- Thuế giá trị gia tăng	-	8.729.869.637	(7.582.262.634)	1.147.607.003
- Thuế nhập khẩu	-	1.505.022.927	(1.505.022.927)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.939.106.597	3.787.301.291	(3.249.304.595)	2.477.103.293
- Thuế thu nhập cá nhân	551.838.688	476.856.423	(994.688.101)	34.007.010
- Các loại thuế khác	-	7.000.000	(7.000.000)	-
- Phí, lệ phí	72.633.856	34.598.726	(107.232.582)	-
Cộng	2.563.579.141	14.540.649.004	(13.445.510.839)	3.658.717.306

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
- Chi phí lãi vay phải trả	-	314.512.000
- Chi phí thưởng vượt doanh số hàng năm	-	146.743.302
- Chi phí khác	180.000.000	135.712.000
Cộng	180.000.000	596.967.302

5.14 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
- Doanh thu cung cấp, lắp đặt thiết bị	709.464.520	4.451.025.764
- Doanh thu cho thuê văn phòng	125.000.000	-
Cộng	834.464.520	4.451.025.764

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.15 Dự phòng phải trả

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.201.560.966	-
Cộng	1.201.560.966	-

5.16 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Cộng (VND)
01/01/2016	12.000.000.000	4.541.831.003	16.541.831.003
- Lợi nhuận trong năm trước	-	6.414.961.868	6.414.961.868
- Tăng vốn trong năm trước	75.685.200.000	-	75.685.200.000
31/12/2016	87.685.200.000	10.956.792.871	98.641.992.871
01/01/2017	87.685.200.000	10.956.792.871	98.641.992.871
- Lợi nhuận trong năm nay	-	15.510.629.389	15.510.629.389
- Tăng vốn trong năm nay	101.602.850.000	-	101.602.850.000
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	10.711.950.000	(10.711.950.000)	-
31/12/2017	200.000.000.000	15.755.472.260	215.755.472.260

Cổ phiếu

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	10.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	20.000.000	8.768.520
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	8.768.520
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	8.768.520
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	8.768.520

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	87.685.200.000	12.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	112.314.800.000	75.685.200.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	87.685.200.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.711.950.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2017 (VND)	2016 (VND)
Tổng doanh thu	242.121.338.357	225.462.026.545
- Doanh thu bán hàng hóa	13.811.978.117	5.048.353.440
- Doanh thu thi công lắp đặt công trình	221.836.419.055	220.413.673.105
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.472.941.185	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	5.000.002
- Chiết khấu Thương mại	-	5.000.002
Doanh thu thuần, trong đó:	242.121.338.357	225.457.026.543
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	13.811.978.117	5.043.353.438
- Doanh thu thuần thi công lắp đặt công trình	221.836.419.055	220.413.673.105
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	6.472.941.185	-

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2017 (VND)	2016 (VND)
- Giá vốn hàng hóa	11.551.211.796	3.211.780.338
- Giá vốn thi công lắp đặt công trình	171.162.973.412	181.450.384.018
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.306.421.798	-
Cộng	189.020.607.006	184.662.164.356

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 (VND)	2016 (VND)
- Lãi tiền gửi ngân hàng	457.173.542	13.064.089
- Lãi chênh lệch tỷ giá	92.822.911	327.082.622
Cộng	549.996.453	340.146.711

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.4. Chi phí tài chính

	2017 (VND)	2016 (VND)
- Chi phí lãi vay	415.914.000	1.004.925.627
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(2.434.892)	2.434.892
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	143.621.328	444.109.360
Cộng	557.100.436	1.451.469.879

6.5. Chi phí bán hàng

	2017 (VND)	2016 (VND)
- Chi phí nhân viên	100.977.600	-
- Chi phí vật liệu, bao bì	12.645.000	-
- Chi phí bảo hành công trình	3.350.641.500	148.306.507
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.857.732.373	3.632.814.434
- Chi phí bằng tiền khác	4.553.898.183	4.627.601.751
Cộng	10.875.894.656	8.408.722.692

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 (VND)	2016 (VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	12.253.620.229	13.034.113.592
- Chi phí đồ dùng quản lý	1.023.610.337	763.203.131
- Chi phí vật liệu quản lý	227.229.753	238.739.820
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.665.233.817	1.492.523.685
- Thuế, phí và lệ phí	286.994.075	87.605.357
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	73.159.710	130.642.618
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.292.434.615	709.718.651
- Chi phí bằng tiền khác	4.880.176.191	4.769.442.567
Cộng	21.702.458.727	21.225.989.421

6.7. Thu nhập khác

	2017 (VND)	2016 (VND)
- Thu nhập khác	164.498.016	-
Cộng	164.498.016	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.8. Chi phí khác

	2017	2016
	(VND)	(VND)
- Lỗ do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	990.255.967	1.463.805.044
- Phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	319.952.980	139.935.415
- Phạt vi phạm hợp đồng	-	99.732.529
- Phạt chậm nộp bảo hiểm	1.467.142	11.399.586
- Chi phí khác	70.165.232	41.800.000
Cộng	1.381.841.321	1.756.672.574

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2017	2016
	(VND)	(VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	140.894.888.908	181.069.237.544
Chi phí nhân công	42.862.442.273	31.405.166.864
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.665.233.817	1.492.523.685
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.383.986.375	9.914.679.289
Chi phí bằng tiền khác	9.721.068.449	8.229.277.045
Cộng	215.527.619.823	232.110.884.427

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2017	2016
	(VND)	(VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.787.301.291	1.877.192.464
Cộng	3.787.301.291	1.877.192.464

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:

	2017	2016
	(VND)	(VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.297.930.680	8.292.154.332
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Điều chỉnh tăng	(361.424.225)	1.093.807.986
+ Thu nhập tính thuế khác	408.606.142	1.093.807.986
+ Dự phòng phải thu khó đòi không có đủ hồ sơ	-	770.030.367
+ Chi phí không hợp lệ	73.159.710	130.642.618
- Điều chỉnh giảm	335.446.432	193.135.001
+ Thu nhập đã tính thuế năm 2016	(770.030.367)	-
Thu nhập tính thuế	(770.030.367)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	18.936.506.455	9.385.962.318
	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.787.301.291	1.877.192.464

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, các giao dịch không bằng tiền như sau:

	2017 (VND)	2016 (VND)
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa thu được bằng tiền	399.105.555	-
Thanh lý tài sản cố định chưa thu được bằng tiền	1.518.000.000	-

8 THÔNG TIN KHÁC**8.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác: không có****8.2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2017) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

8.3. Thông tin về các bên có liên quan**Các bên liên quan:**

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH HVC Hưng Yên	Công ty con

Nghịệp vụ với các bên liên quan:

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nghịệp vụ	2017 (VND)
Các thành viên quản lý chủ chốt	Bán thanh lý tài sản cố định	2.780.000.000
	Vay trong năm	400.000.000
	Trả tiền vay trong năm	(20.088.000.000)
	Lãi tiền vay phải trả trong năm	(415.914.000)
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	Góp vốn trong năm	29.400.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Số dư với các bên liên quan:

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Các thành viên quản lý chủ chốt		
- Phải thu tiền bán thanh lý tài sản cố định	1.518.000.000	-
Cộng nợ phải thu	1.518.000.000	-

Thu nhập của các thành viên của Ban Tổng Giám đốc

	2017 (VND)	2016 (VND)
Thu nhập, thù lao	1.955.219.840	1.818.291.675
Cộng	1.955.219.840	1.818.291.675

8.4. Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1 năm trở lên (VND)	Tổng cộng (VND)
31/12/2017			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.496.883.697	-	25.496.883.697
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	27.000.000.000	-	27.000.000.000
Phải thu khách hàng	33.629.941.012	-	33.629.941.012
Các khoản phải thu khác	35.369.299.611	-	35.369.299.611
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(516.268.874)	-	(516.268.874)
Tổng cộng	120.979.855.446	-	120.979.855.446
31/12/2017			
Phải trả cho người bán	(20.166.101.520)	-	(20.166.101.520)
Phải trả khác	(2.198.470)	-	(2.198.470)
Chi phí phải trả	(180.000.000)	-	(180.000.000)
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	(1.201.560.966)	-	(1.201.560.966)
Tổng cộng	(21.549.860.956)	-	(21.549.860.956)
Chênh lệch thanh khoản thuần	99.429.994.490	-	99.429.994.490
01/01/2017			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.114.877.940	-	27.114.877.940
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng	13.516.923.673	-	13.516.923.673
Các khoản phải thu khác	742.834.682	-	742.834.682
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(443.109.164)	-	(443.109.164)
Tổng cộng	40.931.527.131	-	40.931.527.131
01/01/2017			
Phải trả cho người bán	(10.882.645.386)	-	(10.882.645.386)
Phải trả khác	(4.062.920.758)	-	(4.062.920.758)
Chi phí phải trả	(596.967.302)	-	(596.967.302)
Vay và nợ thuê tài chính	(19.688.000.000)	-	(19.688.000.000)
Tổng cộng	(35.230.533.446)	-	(35.230.533.446)
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.700.993.685	-	5.700.993.685

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

	Giá trị kế toán		Giá trị hợp lý	
	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.496.883.697	27.114.877.940	25.496.883.697	27.114.877.940
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	27.000.000.000	-	27.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	33.629.941.012	13.516.923.673	33.113.672.138	13.073.814.509
Các khoản phải thu khác	35.369.299.611	742.834.682	35.369.299.611	742.834.682
Tổng cộng	121.496.124.320	41.374.636.295	120.979.855.446	40.931.527.131
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	20.166.101.520	10.882.645.386	20.166.101.520	10.882.645.386
Phải trả khác	2.198.470	4.062.920.758	2.198.470	4.062.920.758
Chi phí phải trả	180.000.000	596.967.302	180.000.000	596.967.302
Vay và nợ thuê tài chính	-	19.688.000.000	-	19.688.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.201.560.966	-	1.201.560.966	-
Tổng cộng	21.549.860.956	35.230.533.446	21.549.860.956	35.230.533.446

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2017 và ngày 01/01/2017. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8.5. Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM (AIS).

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016 được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp.

8.6. Tính hoạt động liên tục của Công ty

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

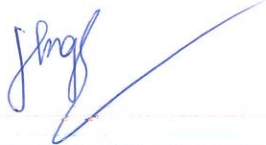
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

8.7. Thông tin về bộ phận

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: lĩnh vực thương mại (bán hàng hóa); lĩnh vực thi công xây lắp bể bơi, hệ thống điện; lĩnh vực cho thuê văn phòng. Chi tiết báo cáo bộ phận theo từng ngành nghề như sau:

	Bán hàng hóa (VND)	Dịch vụ thi công lắp đặt (VND)	Dịch vụ khác (VND)	2017 (VND)
Doanh thu thuần theo bộ phận	13.811.978.117	221.836.419.055	6.472.941.185	242.121.338.357
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(11.551.211.796)	(171.162.973.412)	(6.306.421.798)	(189.020.607.006)
Lợi nhuận gộp theo bộ phận	2.260.766.321	50.673.445.643	166.519.387	53.100.731.351
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(32.578.353.383)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				20.522.377.968
Doanh thu tài chính				549.996.453
Chi phí tài chính				(557.100.436)
Thu nhập khác				164.498.016
Chi phí khác				(1.381.841.321)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(3.787.301.291)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				15.510.629.388

Ngày 13 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU**KẾ TOÁN TRƯỞNG****TỔNG GIÁM ĐỐC**

Hồ Thanh Ngân

Vũ Thị Nga**Trần Hữu Đông**